| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PLEIKU**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bạch Quảng.
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, về : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng Ng, sinh năm 1990. Địa chỉ: 04 Lê Quang Định, tổ 1, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989. Địa chỉ: 06 đường L, tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị Hồng Ng trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng Ng và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 160, ngày 11/10/2014. Thời gian đầu chung sống với nhau hòa hợp không mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cải vã mà không hòa giải được, dần dần tình cảm ngày càng xa cách, mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không

được. Anh T đi ra ngoài và có gây nợ nần chị Ngvà gia đình hai bên phải trả nợ. Anh T bỏ đi từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay chị Ngkhông còn tình cảm yêu thương anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngyêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T

- Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Đức L, sinh ngày 28/01/2016 . Hiện nay con chung đang được chị Ngnuôi dưỡng, chị Ngxin được nuôi con.

- Về cấp dưỡng: không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Đức T mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: chị Ngvà anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngxử cho chị Ngly hôn với anh T.

- Con chung: Giao con là cháu Nguyễn Đức L cho chị Ngnuôi dưỡng là có căn cứ. Về cấp dưỡng: không yêu cầu và tài sản chung, nợ chung không có.

- Về án phí: Chị Ngphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Hồng Ng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Đức T, địa chỉ: 06 đường L, tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng Ng và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 160, ngày 11/10/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngvà anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Ngcho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng hơn, từ đó anh T không quan tâm gì đến vợ con mà bỏ mặc và anh T đã bỏ nhà đi khoảng 01 năm nay mà chị Ngkhông biết đi đâu và làm gì. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ mà để mặc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ngvà anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyên.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 28/1/2016. Chị Ngcó nguyện vọng được nuôi con, đối với anh T không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng muốn được nuôi con. Mặt khác, trong thời gian cháu Lâm sống chung với chị Nguyên, được chị Ngchăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của chị Ngxin được nuôi con chung là chấu Lâm là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngkhông yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Nglà nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng Ng

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng Ng được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 28/1/2016 cho chị Phan Thị Hồng Ng trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lâm đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Phan Thị Hồng Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Hồng Ng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001243 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy chị Phan Thị Hồng Ng đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú.

***Nơi nhận:***
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Yên Thế, TP. Pleiku, Gia Lai.
( Giấy CNKH số 160, quyển số 02/2014 );
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ PLEIKU**
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

**1. Về điều luật áp dụng:**

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

**2. Về nội dung vụ án:**

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

**Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

**Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

**3. Về án phí và các nội dung khác:**

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**